

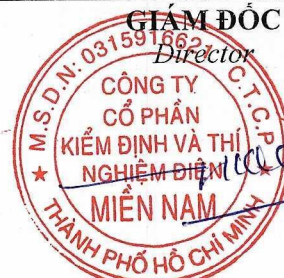


Số/ No: 850/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 10/05/2025 Trang/ Page: 1/5
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH TRƯỜNG QUỐC TẾ DẠY BẰNG TIẾNG ANH THE BRANCH OF THE BRITISH INTERNATIONAL SCHOOL COMPANY LIMITED
2. Dự án: Project:	Kiểm tra điện năng tủ điện phân phối hạ thế Low voltage switchgear testing
3. Địa chỉ kiểm tra: Place of testing:	246 Nguyễn Văn Hoàng, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh 246 Nguyen Van Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
4. Đối tượng kiểm tra: Type of testing:	Tủ phân phối hạ thế. Low voltage switchgear.
5. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 Tủ MSB/ TBA Tòa B 01 MSB Panel/ Transformer Station
6. Phương pháp kiểm tra: Method of testing:	- ETSC/TN/QT-27; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN4255: 2008; TCVN7994-1: 2009; TCVN 6615-2-4 : 2013; IEC 868; thông tư 39/2022/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương. - TCVN 7994-1: 2009 (IEC60439-1:2004); IEC61439; - Theo yêu cầu của khách hàng, Tiêu chuẩn NSX/ Client request, Standard manufacturer
7. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	08/05/2025
8. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type: MSB Số quản lý/ Serial No: Không rõ/ NA Nhà sản xuất/ Manufacture: Không rõ/ NA Năm sản xuất/ Date of manufacture: Không rõ/ NA Kích thước/ Size: Không rõ/ NA Công dụng/ Function: Tủ phân phối cấp nguồn 630A
9. Phương tiện kiểm tra: Testing equipment	Kyoritsu 3125A; Fluke 355; Fluke 287C; Kyoritsu 5406A; UT251A Metrel MI2892.
10. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH
11. Kết quả kiểm tra: Testing result:	Xem trang sau See next page
12. Kết luận: Conclusion:	Xem trang sau See next page
13. Khuyến cáo thời hạn kiểm tra lần sau: 05/2026 Recommended next testing period:	

Người Thực Hiện
Executor

Đoàn Nguyễn Huy Thắng



Nguyễn Quốc Hoàn

TN/QT-C/M061

Ban hành lần 2



- Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận, hoặc do khách hàng yêu cầu, các chỉ tiêu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo thông tin khách hàng cung cấp;
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của ETSC.



Số/ No: 859/2025/KT-ETSC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA
EXAMINATION REPORT

Ngày/ Date: 14/05/2025

Trang/ Page: 2/5

Nội dung kết quả đo mục 11 trang 1

Content of measured results 11 page 1

11.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Stt No	Đối tượng kiểm tra Check object	Kết quả Result	Đánh giá Evaluate
1	Kiểm tra tổng thể nơi lắp đặt tủ điện/ Check the electrical cabinet installation location	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
2	Kiểm tra hiện trạng tủ điện/ Check the electrical cabinet	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
3	Kiểm tra dây dẫn, máng cáp/ Check wire, cable tray	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
4	Kiểm tra các điểm kết nối/ Check connections, terminal	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass



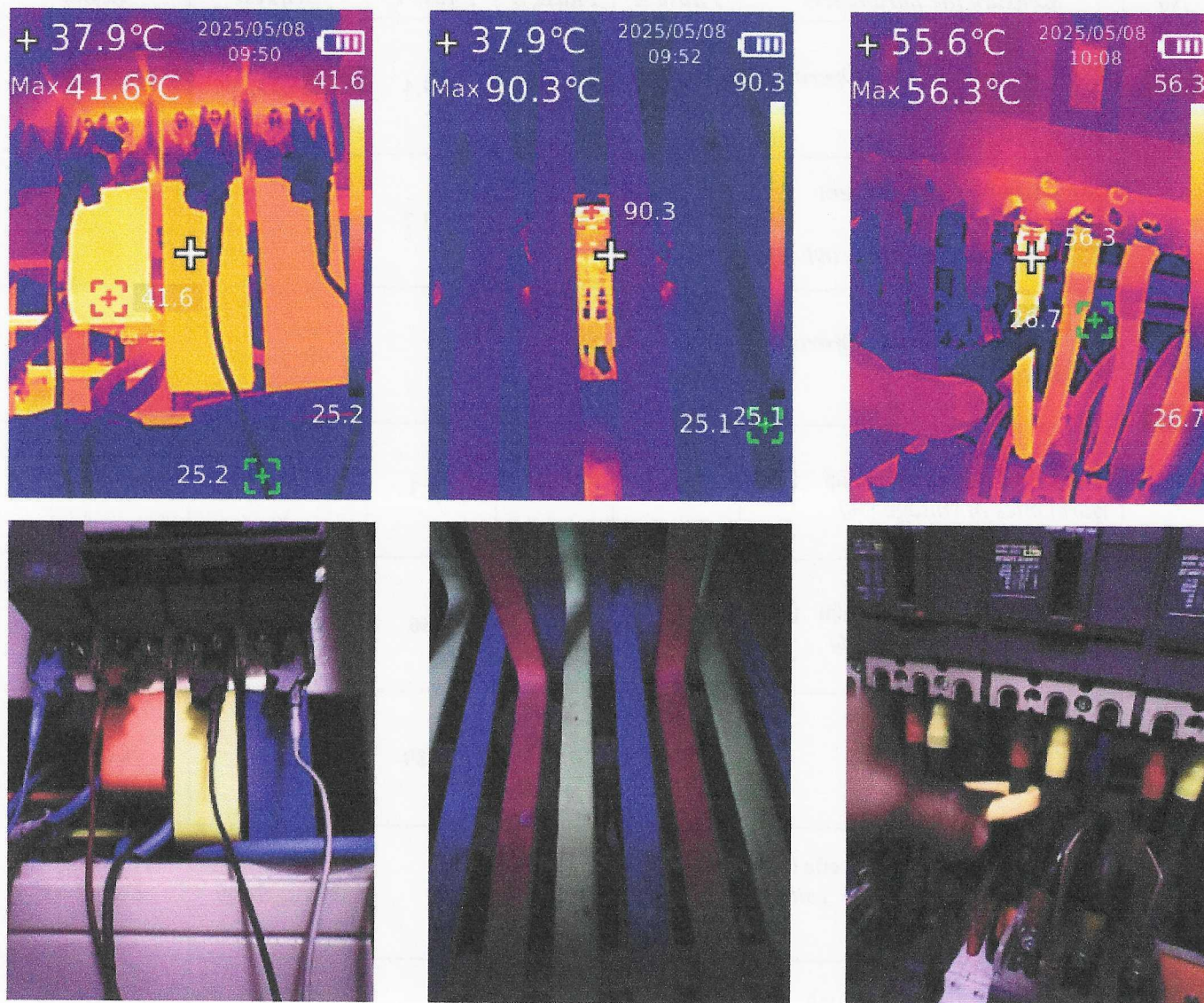
11.2 Kiểm tra chất lượng điện/ Check power quality:

Stt No	Đo các thông số Measure the parameters	Pha A Phase A	Pha B Phase B	Pha C Phase C	Yêu Cầu Request	Kết quả Result
1	Điện áp vận hành/ Operating voltage	230,1	228,9	229,4	209÷242V	Đạt/ Pass
2	Dòng điện tiêu thụ/ Current consumption (Thời điểm kiểm tra/ time: 09h40)	340,2	307,5	362,7	/	/
3	Tần số vận hành/ Operating frequency	50,049			49÷51 Hz	Đạt/ Pass
4	Sóng hài của điện áp (%)/ Harmonics of voltage (%)	1,90	2,56	2,23	+ THD ≤ 5%	Đạt/ Pass
5	Sóng hài của dòng điện (%)/ Harmonics of currents (%)	5,28	7,71	5,56	+ TDD ≤ 5%	Không đạt/ Failed
6	Nhấp nháy điện áp (P _{st})/ Flashing voltage (P _{st})	0,301	0,298	0,289	P _{st} ≤ 1	Đạt/ Pass
7	Thành phần thứ tự nghịch của điện áp pha/ Inverse sequence voltage component	0,20			%V _{neg} ≤ 5%	Đạt/ Pass
8	Thành phần thứ tự nghịch của dòng điện/ Inverse sequence current component	3,40			/	/
9	Hệ số Công suất/ Power factor	0,96i	0,95i	0,95i	PF ≥ 0,95	Đạt/ Pass
10	Nối đất/ Grounding	Tiếp đất trực tiếp/ Ground directly				



11.3 Kiểm tra nhiệt độ tủ điện/ Check temperature

Đối tượng đo/ Object: MSB
Ngày/ Date: 08/05/2025
Thời gian/ Time: 09h50



Thông số ảnh nhiệt/ Pictures parameters:

Độ phát xạ/ Emissivity: 0.95

Nhiệt độ môi trường tham chiếu/ Refl. temp. [°C]: 25.0

Điểm đo/ Pitures markings:

Đối Tượng Đo/ Measurement Objects	Nhiệt Độ Temp. [°C]	Độ Phát Xạ Emiss.	Nhiệt Độ Tham Chiếu Refl. temp. [°C]	Ghi Chú Remarks
Điểm đo 1/ Measure point 1	41.6 °C	0.95	25.0°C	-
Điểm đo 2/ Measure point 2	90.3 °C	0.95	25.0°C	-
Điểm đo 3/ Measure point 3	56.3 °C	0.95	25.0°C	-

Số/ No: 850/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 10/05/2025 Trang/ Page: 5/5
--------------------------	--	--

Nội dung kết luận mục 12 trang 1

Content of Conclusion 12 page 1

12.1 Kết luận/ Conclusion:

- Sóng hài dòng điện cao (trên 5%)/ *High current harmonic (over 5%).*
- Các điểm kết nối trên tụ bù phát nhiệt cao (trên 60°C)/ *The connection points on capacitor got high temperature (over 60°C)*

